

Biểu số: 0601.N.ĐCTC.QG

*Kèm theo Thông tư số 131/2025/TT-BTC
ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính*

Thời hạn báo cáo: Ngày 03 tháng 7 năm sau
năm báo cáo

Đơn vị báo cáo:
Vụ Các định chế tài chính

Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Công nghệ thông tin và chuyển đổi
số

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Năm ...

STT		Đơn vị tính	Kỳ trước kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo	Tăng/giảm kỳ báo cáo so với kỳ trước (%)
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)
01	Tổng giá trị phát hành trái phiếu	Tỷ đồng			
	Chia theo:				
02	- Trái phiếu Chính phủ	Tỷ đồng			
03	- Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Tỷ đồng			
04	- Trái phiếu chính quyền địa phương	Tỷ đồng			
05	- Trái phiếu doanh nghiệp	Tỷ đồng			
06	+ Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ	Tỷ đồng			
07	+ Trái phiếu doanh nghiệp phát hành ra công chúng	Tỷ đồng			
08	Quy mô thị trường trái phiếu	Tỷ đồng			
	Chia theo:				
09	- Trái phiếu Chính phủ	Tỷ đồng			
10	- Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Tỷ đồng			

STT		Đơn vị tính	Kỳ trước kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo	Tăng/giảm kỳ báo cáo so với kỳ trước (%)
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)
11	- Trái phiếu chính quyền địa phương	Tỷ đồng			
12	- Trái phiếu doanh nghiệp	Tỷ đồng			
13	+ Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ	Tỷ đồng			
14	+ Trái phiếu doanh nghiệp phát hành ra công chúng	Tỷ đồng			
15	Quy mô thị trường trái phiếu so với tổng sản phẩm trong nước	%			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 0601.N.ĐCTC.QG: Tình hình thị trường trái phiếu

Đơn vị chủ trì báo cáo là Vụ Các định chế tài chính;

Đơn vị phối hợp là Ủy ban Chứng khoán cung cấp số liệu về trái phiếu doanh nghiệp theo phân tổ trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ và trái phiếu doanh nghiệp phát hành ra công chúng; Kho bạc Nhà nước cung cấp số liệu kế hoạch phát hành trái phiếu Chính phủ với kỳ công bố Quý, năm; Vụ Ngân sách Nhà nước tổng hợp số liệu về trái phiếu chính quyền địa phương từ Sở Tài chính tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương.

1. Khái niệm, phương pháp tính

a) Tổng giá trị phát hành trái phiếu bao gồm: Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu doanh nghiệp chào bán tại thị trường trong nước.

b) Tốc độ tăng quy mô thị trường trái phiếu được tính theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ tăng quy mô thị trường trái phiếu (\%)} = \frac{\text{Tổng giá trị theo mệnh giá của trái phiếu chưa đáo hạn trên thị trường năm t} - 100}{\text{năm t}} \times 100$$

Tổng giá trị theo mệnh giá của trái
phiếu chưa đáo hạn trên thị trường
năm t-1

Thị trường trái phiếu bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu doanh nghiệp.

c) Quy mô thị trường trái phiếu so với tổng sản phẩm trong nước là tổng giá trị theo mệnh giá của trái phiếu chưa đáo hạn trên thị trường so với tổng sản phẩm trong nước.

Thị trường trái phiếu bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu doanh nghiệp.

Công thức tính:

$$\text{Quy mô thị trường trái phiếu so với tổng sản phẩm trong nước (\%)} = \frac{\text{Tổng giá trị theo mệnh giá của trái phiếu chưa đáo hạn trên thị trường}}{\text{Tổng sản phẩm trong nước}} \times 100$$

2. Cách ghi biểu

Cột A: Ghi số thứ tự

Cột B: Ghi các loại trái phiếu

Cột C: Ghi đơn vị tính

Cột 1: Ghi giá trị kỳ trước kỳ báo cáo theo từng loại trái phiếu tương ứng của cột B.

Cột 2: Ghi giá trị kỳ báo cáo theo từng loại trái phiếu tương ứng của cột B.

Cột 3: Ghi số liệu tốc độ tăng/giảm kỳ báo cáo so với kỳ trước kỳ báo cáo theo từng loại trái phiếu tương ứng của cột B

Lưu ý: STT 01 = STT 02 + STT 03 + STT 04 + STT 05; STT 05 = STT 06 + STT 07;
STT 08 = STT 09 + STT 10 + STT 11 + STT 12; STT 12 = STT 13 + STT 14.

3. Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo về phát hành trái phiếu.